

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 8 - 2024
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Xuyên;

Ông Trần Xuân Chinh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 08 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 2, B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1980 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Xóm 2, Bình Yên, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định;

Nơi tạm trú: Tổ 14, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Xuân Hà - Cục C10 - Bộ C an; địa chỉ: Xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2024 và bản tự khai ngày 12 tháng 7 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã T, tỉnh Ninh Bình vào ngày 17 tháng 10 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C chơi bời, nghiện ma túy, chị và gia đình anh C biết đã động viên khuyên nhủ nhưng anh C không từ bỏ. Năm 2008 vợ chồng chị về quê tại xã N,

huyện N, tỉnh Nam Định làm ăn sinh sống, năm 2009 vợ chồng có mâu thuẫn, anh C về quê Ninh Bình ở cùng bố mẹ đẻ. Do anh C sử dụng ma túy nên đã bị UBND thị xã T ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc 02 năm tại trung tâm cai nghiện ở thị xã T, tỉnh Ninh Bình. Khi cải tạo xong chị cho anh C cơ hội về sống chung cùng chị và con, nhưng anh C không tu trí làm ăn mà vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Từ tháng 7/2023 vợ chồng chị sống ly thân anh C về quê T ở với mẹ đẻ. Đầu tháng 3/2024 anh C có hành vi lấy trộm tài sản của người khác bị C an huyện N phát hiện bắt giữ, ngày 27/5/2024 bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Anh C đang chấp hành án tại Trại tạm giam C an tỉnh Nam định đến ngày 05/8/2024 chuyển đi chấp hành án tại Trại giam Xuân Hà - Cục C10 - Bộ C an. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C để ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài L1, sinh ngày 04/4/2002 và cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/4/2014. Hiện cháu L1 đã đủ tuổi trưởng thành lao động tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu D đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con, hiện chị đang làm nghề tự do điều trị thuốc Nam chữa xương khớp gia truyền tại nhà có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng 10 triệu đồng đủ điều kiện nuôi con nên chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh và chị Phạm Thị L tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã T, tỉnh Ninh Bình vào ngày 17 tháng 10 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng do anh chơi bời, nghiện ma túy dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Vấn đề này đã được vợ và gia đình biết đã động viên khuyên nhủ nhưng anh không khắc phục được. Tháng 3/2024 anh về Ninh Bình ở cùng mẹ đẻ, sau đó anh có hành vi “Trộm cắp tài sản” bị C an huyện N bắt giữ, ngày 27/5/2024 anh bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Hiện anh đang chấp hành án tại: Trại tạm giam C an tỉnh Nam Định. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh nhận thấy bản thân chưa thực hiện tốt nghĩa vụ của người chồng và người cha, anh xin lỗi vợ và các con. Vì vậy, chị L làm đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn theo đúng yêu cầu khởi kiện của chị L.

2. Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung tên tuổi của các con đúng như chị L trình bày. Hiện cháu Nguyễn Thị Hoài L1, sinh năm 2002 đã đủ tuổi trưởng thành lao động tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Trung D, sinh năm 2014 đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh nhất trí với ý kiến và nguyện vọng của chị L, giao cháu D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L.

Về tài sản chung: Anh và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 08/7/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2024 cháu Nguyễn Trung D có ý kiến, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn C;

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/4/2014 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí DSST: Chị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn C tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thị xã T, tỉnh Ninh Bình vào ngày 17/10/2001 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, anh C chơi bời, nghiện ma túy đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ tháng 3/2024 vợ chồng sống ly thân, anh C về chăm mẹ đẻ tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình sau đó anh C có hành vi, vi phạm pháp luật bị C an huyện N bắt giữ, ngày 27/5/2024 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Xuân Hà – Cục C10 – Bộ C an. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh C nhận thấy nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh, nên anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L, đề nghị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định giải quyết cho anh và chị L ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị L và anh C không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp

nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn C của chị Phạm Thị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị L và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Hoài L1, sinh ngày 04/4/2002 và cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/4/2014.

Hiện nay cháu L1 đã đủ tuổi trưởng thành lao động tự lập được chị L và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Đối với cháu D hiện đang ở cùng chị L, khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng, cháu D cũng có ý kiến, nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Anh C nhất trí giao con chung cho chị L nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L. Như vậy, ý kiến và sự tự nguyện của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Trung D cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh C không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Chị Phạm Thị L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn C

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Nguyễn Trung D, sinh ngày 23/4/2014 cho chị Phạm Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh Nguyễn Văn C không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai số

0005101, ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND TP T, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh